

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3
Cho quý 4 năm 2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		417,306,142,745	486,227,472,258
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	23,481,267,180	54,918,347,358
111	1. Tiền		6,481,267,180	19,918,347,358
112	2. Các khoản tương đương tiền		17,000,000,000	35,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		123,198,369,140	173,080,171,139
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	52,281,235,670	66,236,105,037
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12,716,671,801	9,862,537,103
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		2,040,483,000	40,730,483,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	56,159,978,669	56,251,045,999
140	IV. Hàng tồn kho	7	258,312,702,169	257,635,595,519
141	1. Hàng tồn kho		258,312,702,169	257,635,595,519
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12,313,804,256	593,358,242
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		11,725,969,633	593,358,242
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	587,834,623	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		78,878,496,756	57,299,799,232
220	II. Tài sản cố định		40,408,046,124	36,767,061,914
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	40,408,046,124	36,767,061,914
222	- Nguyên giá		45,464,379,675	40,814,360,060
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5,056,333,551)	(4,047,298,146)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	7	1,348,325,265	696,616,816
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1,348,325,265	696,616,816
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	35,973,851,361	19,723,851,361
251	1. Đầu tư vào công ty con		9,180,000,000	9,180,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3,700,000,000	3,700,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23,860,000,000	7,610,000,000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(766,148,639)	(766,148,639)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1,148,274,006	112,269,141
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1,148,274,006	112,269,141
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		496,184,639,501	543,527,271,490

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho quý 4 năm 2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		327,398,372,133	378,179,916,384
310	I. Nợ ngắn hạn		327,398,372,133	378,179,916,384
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	19,201,139,478	27,474,323,284
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		49,111,783,076	234,752,527,999
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	887,628,972	8,292,988,714
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		53,152,468,987	13,855,057,158
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	68,520,448,193	70,395,191,998
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9	135,708,189,174	22,560,000,000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		816,714,253	849,827,231
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		168,786,267,368	165,347,355,106
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	168,786,267,368	165,347,355,106
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		99,999,440,000	99,999,440,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		99,999,440,000	99,999,440,000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		53,947,807,106	52,096,863,252
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14,839,020,262	13,251,051,854
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		14,005,225	2,428,397,334
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ này		14,825,015,037	10,822,654,520
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		496,184,639,501	543,527,271,490


Lại Huy Mạnh
Người lập

Trịnh Duy Hoàn
Kế toán trưởngVương Đăng Phương
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho quý 4 năm 2016**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Quý 4 năm 2016*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015	Lũy kế năm 2016	Lũy kế năm 2015
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	101,287,068,482	193,410,026,464	382,166,340,359	324,457,513,671
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		75,395,650	2,214,894,485	100,391,104	3,048,908,332
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		101,211,672,832	191,195,131,979	382,065,949,255	321,408,605,339
11	4. Giá vốn hàng bán	16	86,199,018,113	169,289,090,288	335,397,613,913	274,457,493,571
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15,012,654,719	21,906,041,691	46,668,335,342	46,951,111,768
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	3,567,868,912	557,185,192	4,770,514,297	2,375,793,980
22	7. Chi phí tài chính	18	4,969,066,743	5,454,823,010	8,913,302,714	15,873,560,713
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>4,969,066,743</i>	<i>5,454,823,010</i>	<i>8,913,302,714</i>	<i>15,873,560,713</i>
24	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	8,443,870,999	6,869,040,058	18,216,316,847	15,077,213,726
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5,167,585,889	10,139,363,815	24,309,230,078	18,376,131,309
31	11. Thu nhập khác		-	257,801,988	402,747,221	1,252,699,717
32	12. Chi phí khác		1,184,117,105	458,369,545	1,995,476,419	458,369,545
40	13. Lợi nhuận khác		(1,184,117,105)	(200,567,557)	(1,592,729,198)	794,330,172

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3

Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu,
 Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Cho quý 4 năm 2016

50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3,983,468,784	9,938,796,258	22,716,500,880	19,170,461,481
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	3,540,033,342	2,643,000,300	7,813,485,843	4,647,806,961
52	16. Lợi nhuận chia cho đối tác			1,200,000,000		3,700,000,000
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>443,435,442</u>	<u>6,095,795,958</u>	<u>14,903,015,037</u>	<u>10,822,654,520</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		44	610	1,490	1,082



Lại Huy Mạnh
 Người lập



Trịnh Duy Hoàn
 Kế toán trưởng




Vương Đăng Phương
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 4 năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	12 tháng	12 tháng
			đầu năm 2016	đầu năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		22,716,500,880	19,170,461,481
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2,605,370,153	2,179,767,869
03	- Các khoản dự phòng		-	(1,048,528,000)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4,275,564,297)	(2,375,793,980)
06	- Chi phí lãi vay		8,913,302,714	15,873,560,713
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		29,959,609,450	33,799,468,083
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		38,749,190,608	38,696,208,145
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(677,106,650)	67,763,223,365
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(153,838,196,044)	(8,864,616,285)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1,036,004,865	6,333,051
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3,382,616,888)	(15,604,741,037)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9,634,698,178)	(4,069,197,966)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(1,353,979,984)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(97,787,812,837)	110,372,697,372
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6,898,062,812)	(1,952,350,079)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(96,520,000,000)	(49,252,000,000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		76,095,000,000	10,325,977,000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(16,250,000,000)	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4,275,564,297	1,661,993,980
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(39,297,498,515)	(39,216,379,099)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		190,824,812,284	43,215,156,099
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(77,676,623,110)	(91,391,196,527)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7,499,958,000)	(10,199,963,600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		105,648,231,174	(58,376,004,028)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(31,437,080,178)	12,780,314,245
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		54,918,347,358	42,138,033,113
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		<u>23,481,267,180</u>	<u>54,918,347,358</u>

Lại Huy Mạnh
Người lập

Trịnh Duy Hoàn
Kế toán trưởng



Vương Đăng Phương

Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Quý 4 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Hà Đông, được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-UB ngày 01/10/1995 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tây và được đổi tên thành Công ty Xây dựng Đầu tư Phát triển đô thị số 3 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị theo Quyết định số 1151/QĐ-BXD ngày 18/08/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Quyết định số 1182/QĐ-BXD ngày 22/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0500227640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội), đăng ký lần đầu ngày 20/09/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 22 tháng 04 năm 2014.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Tòa nhà HUD3 Tower, Số 121-123 Đường Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký là 99.999.440.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến 31 tháng 12 năm 2015 là 99.999.440.000 đồng; tương đương 9.999.944 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và công nghiệp. Xây dựng các công trình công cộng, công viên sinh vật cảnh. Xây dựng các công trình văn hóa thể thao, du lịch, tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa xã hội;
- Lắp đặt điện nước, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình;
- Lập, quản lý các dự án đầu tư xây dựng;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi Nhà nước cho phép);
- Sản xuất vỏ bao xi măng;
- Đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái;
- Sản xuất kinh doanh đồ gỗ dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các khu công nghiệp;
- Đầu tư các dự án phát triển nhà và đô thị;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp./.

